



**CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	4 - 5
• Báo cáo kết quả kinh doanh	6
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 19

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/10.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục tại quyết định số 7976/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002074 ngày 30/01/2004 và thay đổi lần thứ nhất vào ngày 10 tháng 07 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 27/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 41/TTGDHN – ĐKGD ngày 27/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. (Mã chứng khoán SAP)

Vốn điều lệ: 26.100.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2010: 12.869.840.000 đồng, trong đó tỷ lệ vốn Nhà nước (Nhà Xuất bản Giáo dục) là 31%.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 240 Trần Bình Trọng, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 08.38353171
- Fax: (84) 08.38352027

Ngành nghề kinh doanh chính

- In sách giáo khoa, sách báo tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;
- Sản xuất kinh doanh các loại sản phẩm: giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm khác;
- Mua bán vật tư thiết bị kỹ thuật ngành in.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 107 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 12 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------|----------|--------------------------|
| • Ông Dương Quốc Thy | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 29/04/2008 |
| • Ông Doãn Minh Tâm | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 05/01/2004 |
| • Ông Nguyễn Thiên | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 05/01/2004 |
| • Bà Nguyễn Thị Thảo | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 05/01/2004 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Ông Trịnh Văn Nhất Ủy viên Bỏ nhiệm ngày 24/04/2009

Ban kiểm soát

- Ông Nguyễn Đức Thịnh Trưởng ban Bỏ nhiệm ngày 05/01/2004
- Bà Nguyễn Mai Hoa Ủy viên Bỏ nhiệm ngày 05/01/2004
- Ông Lê Chí Việן Ủy viên Bỏ nhiệm ngày 05/01/2004

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- Ông Dương Quốc Thy Giám đốc Bỏ nhiệm ngày 23/04/2007
- Ông Phạm Văn Thiện Phó Giám đốc Bỏ nhiệm ngày 03/03/2010
- Bà Nguyễn Thị Thảo Phó Giám đốc Bỏ nhiệm ngày 01/07/2006
- Kiểm Kế toán trưởng Bỏ nhiệm ngày 01/01/2009

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

Dương Quốc Thy
Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2011



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính

217 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 380/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 03 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2010, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 12/01/2011 của Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 4 đến trang 19. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu thì các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2010, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Lê Khắc Minh

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số Đ.0103/KTV

Trần Thị Nở

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 1135/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		19.157.017.344	10.942.497.857
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		141.524.337	1.196.164.679
1. Tiền	111	5	141.524.337	1.196.164.679
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.176.262.144	2.693.402.749
1 Phải thu khách hàng	131		5.034.482.341	2.542.299.811
2 Trả trước cho người bán	132		85.140.000	117.969.540
3 Các khoản phải thu khác	135	6	56.639.803	33.133.398
IV. Hàng tồn kho	140		13.831.575.863	6.917.816.334
1 Hàng tồn kho	141	7	13.831.575.863	6.917.816.334
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.655.000	135.114.095
1 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	109.625.365
2 Tài sản ngắn hạn khác	158		7.655.000	25.488.730
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.780.815.748	11.662.325.241
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.747.287.855	6.356.714.760
1 Tài sản cố định hữu hình	221	8	4.841.883.628	5.653.296.897
- Nguyên giá	222		22.888.976.787	22.446.271.332
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.047.093.159)	(16.792.974.435)
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	905.404.227	703.417.863
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.033.527.893	5.305.610.481
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	10	5.033.527.893	5.305.610.481
2 Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		29.937.833.092	22.604.823.098

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		14.950.058.233	7.289.400.152
I. Nợ ngắn hạn	310		14.920.591.673	7.232.699.676
1 Phải trả người bán	312		13.895.852.637	5.960.819.750
2 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	107.825.919	203.698.185
3 Phải trả người lao động	315		-	20.857.495
4 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	889.573.576	940.081.489
5 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		27.339.541	107.242.757
II. Nợ dài hạn	330		29.466.560	56.700.476
1 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		29.466.560	56.700.476
2 Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		14.987.774.859	15.315.422.946
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	14.987.774.859	15.315.422.946
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	13	12.869.840.000	12.869.840.000
2 Quỹ đầu tư phát triển	417	13	1.462.373.784	1.462.373.784
3 Quỹ dự phòng tài chính	418	13	76.950.378	76.950.378
4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	13	578.610.697	906.258.784
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		29.937.833.092	22.604.823.098

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Dương Quốc Thy

Nguyễn Thị Thảo

Nguyễn Thị Thảo

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	14	30.141.618.001	30.053.827.404
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	14	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	14	30.141.618.001	30.053.827.404
4. Giá vốn hàng bán	11	15	26.142.797.056	25.760.406.712
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		3.998.820.945	4.293.420.692
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	27.891.291	49.207.318
7. Chi phí tài chính	22		-	9.809.445
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	9.809.445
8. Chi phí bán hàng	24		195.291.691	182.543.161
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.428.739.397	2.207.535.756
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.402.681.148	1.942.739.648
11. Thu nhập khác	31	17	57.105.455	170.331.212
12. Chi phí khác	32	18	49.534.169	30.925.000
13. Lợi nhuận khác	40		7.571.286	139.406.212
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	19	1.410.252.434	2.082.145.860
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	19	188.149.737	205.547.898
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	19	1.222.102.697	1.876.597.962
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	950	1.458

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Dương Quốc Thy

Nguyễn Thị Thảo

Nguyễn Thị Thảo

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	30.669.051.845	28.352.357.174
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(23.280.200.936)	(20.445.799.207)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(5.266.540.136)	(4.827.371.945)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	(9.809.445)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(383.303.062)	(31.832.748)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	179.165.389	264.879.897
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(985.428.914)	(1.113.292.654)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	932.744.186	2.189.131.072
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(788.291.819)	(605.938.409)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	60.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	27.891.291	49.207.318
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(700.400.528)	(556.731.091)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(500.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.286.984.000)	(1.158.285.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.286.984.000)	(1.658.285.600)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.054.640.342)	(25.885.619)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.196.164.679	1.222.050.298
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	141.524.337	1.196.164.679

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Dương Quốc Thy

Nguyễn Thị Thảo

Nguyễn Thị Thảo

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục tại quyết định số 7976/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002074 ngày 30/01/2004 và thay đổi lần thứ nhất vào ngày 10 tháng 07 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 27/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 41/TTGDHN – ĐKGD ngày 27/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. (Mã chứng khoán SAP)

Ngành nghề kinh doanh chính

- In sách giáo khoa, sách báo tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;
- Sản xuất kinh doanh các loại sản phẩm: giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm khác;
- Mua bán vật tư thiết bị kỹ thuật ngành in.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để tất toán số dư.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình***Nguyên giá***

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc thiết bị	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	6

4.6 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.8 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động cho khoảng thời gian làm việc tại Công ty trước ngày 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

4.9 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty, được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

4.10 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.12 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Giá trị gia tăng: Hoạt động in sách Giáo khoa, in các tài liệu khác, bán giấy phế liệu và phát hành lịch đều áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp
 - Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.
 - Công ty được hưởng chế độ ưu đãi đối với các tổ chức có đăng ký giao dịch cổ phiếu trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Công văn số 5248/TC – CST ngày 29/04/2005 của Bộ Tài chính về việc ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp cho tổ chức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán. Theo đó, Công ty được giảm 50% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm 2009 và 2010.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.13 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền mặt	111.159.262	88.275.504
Tiền gửi ngân hàng	30.365.075	1.107.889.175
Cộng	141.524.337	1.196.164.679

6. Các khoản phải thu khác

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Phải thu BHXH do nộp thừa	-	613.119
Phải thu khác	-	32.520.279
- Phải thu thuế thu nhập cá nhân	8.032.219	7.458.288
- Phải thu khác	48.607.584	25.061.991
Cộng	56.639.803	33.133.398

7. Hàng tồn kho

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.744.223.319	4.824.716.151
Chi phí SX, KD dở dang	3.762.456.796	2.093.100.183
- Chi phí dở dang của hoạt động sản xuất	2.199.514.689	802.240.664
- Chi phí dở dang của hoạt động Liên doanh	1.562.942.107	1.290.859.519
Thành phẩm	1.324.895.748	-
Cộng	13.831.575.863	6.917.816.334

8. Tài sản cố định hữu hình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.755.841.366	20.547.152.635	13.600.000	129.677.331	22.446.271.332
Mua sắm trong năm	86.305.455	500.000.000	-	-	586.305.455
Giảm trong năm	-	143.600.000	-	-	143.600.000
Số cuối năm	1.842.146.821	20.903.552.635	13.600.000	129.677.331	22.888.976.787
Khấu hao					
Số đầu năm	1.228.807.643	15.441.862.942	13.600.000	108.703.850	16.792.974.435
Khấu hao trong năm	37.293.218	1.355.171.338	-	5.254.168	1.397.718.724
Giảm trong năm	-	143.600.000	-	-	143.600.000
Số cuối năm	1.266.100.861	16.653.434.280	13.600.000	113.958.018	18.047.093.159
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	527.033.723	5.105.289.693	-	20.973.481	5.653.296.897
Số cuối kỳ	576.045.960	4.250.118.355	-	15.719.313	4.841.883.628

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.145.650.076 đồng
Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thể chấp, cầm cố các khoản vay: 0 đồng.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Nhà máy in sách giáo khoa tại KCN Cát Lái	905.404.227	703.417.863
Cộng	905.404.227	703.417.863

10. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Cát Lái	5.033.527.893	5.305.610.481
Cộng	5.033.527.893	5.305.610.481

Đây là khoản trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm theo hợp đồng thuê đất tại KCN Cát Lái với Công ty Quản lý và Phát triển nhà Quận 2. Thời hạn thuê là 50 năm (kể từ năm 2005). Công ty đã chuyển trả 50% giá trị tiền thuê đất theo hợp đồng.

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế giá trị gia tăng	100.190.998	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.634.921	202.788.246
Thuế thu nhập cá nhân	-	909.939
Cộng	107.825.919	203.698.185

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Kinh phí công đoàn	15.597.075	84.998.212
Bảo hiểm xã hội	40.596.508	-
Bảo hiểm thất nghiệp	3.262.516	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	830.117.477	855.083.277
- Nhà xuất bản giáo dục tại Tp Hồ Chí Minh (@)	830.117.477	830.117.477
- Phải trả khác	-	24.965.800
Cộng	889.573.576	940.081.489

(@) Là khoản tiền Nhà xuất bản Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh góp vốn đầu tư xây dựng công trình Nhà máy in Sách giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh tại khu công nghiệp Cát Lái theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 57/HĐHTKD ngày 08/07/2008 giữa công ty cổ phần In sách giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh và Nhà xuất bản Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh.

13. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/09	12.869.840.000	1.135.526.606	523.070.731	68.673.247	14.597.110.584
Tăng trong năm	-	326.847.178	-	1.876.597.962	2.203.445.140
Giảm trong năm	-	-	446.120.353	1.039.012.425	1.485.132.778
Số dư tại 31/12/09	12.869.840.000	1.462.373.784	76.950.378	906.258.784	15.315.422.946
Số dư tại 01/01/10	12.869.840.000	1.462.373.784	76.950.378	906.258.784	15.315.422.946
Tăng trong năm	-	-	-	1.222.102.697	1.222.102.697
Giảm trong năm	-	-	-	1.549.750.784	1.549.750.784
Số dư tại 31/12/10	12.869.840.000	1.462.373.784	76.950.378	578.610.697	14.987.774.859

b. Cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2010 Cổ phiếu	31/12/2009 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.286.984	1.286.984
- Cổ phiếu thường	1.286.984	1.286.984
- Cổ phiếu ưu đãi		-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.286.984	1.286.984
- Cổ phiếu thường	1.286.984	1.286.984
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	906.258.784	68.673.247
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.222.102.697	1.876.597.962
Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế	1.549.750.784	1.039.012.425
Phân phối lợi nhuận năm trước	906.258.784	68.673.247
- Chia cổ tức	643.492.000	68.673.247
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	187.650.968	-
- Trích quỹ thưởng Ban điều hành	75.115.816	-
Phân phối lợi nhuận năm nay	643.492.000	970.339.178
- Thuế TNDN được giảm bổ sung quỹ đầu tư phát triển	-	326.847.178
- Tạm ứng cổ tức đợt 1	643.492.000	643.492.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	578.610.697	906.258.784

14. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu in ấn, cắt rọc	30.141.618.001	30.053.827.404
Cộng	30.141.618.001	30.053.827.404

15. Giá vốn hàng bán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn in ấn, cắt rọc	26.142.797.056	25.760.406.712
Cộng	26.142.797.056	25.760.406.712

16. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	27.891.291	49.207.318
Cộng	27.891.291	49.207.318

17. Thu nhập khác

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Thu giấy tiết kiệm trong gia công	2.560.000	170.331.212
Thu thanh lý TSCĐ	54.545.455	-
Cộng	57.105.455	170.331.212

18. Chi phí khác

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Phí niêm yết Cổ phiếu	13.333.333	-
Chi phí khác	36.200.836	30.925.000
Cộng	49.534.169	30.925.000

19. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong kỳ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.410.252.434	2.082.145.860
- Hoạt động kinh doanh chính	1.382.361.143	1.862.607.330
- Hoạt động khác	27.891.291	219.538.530
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	67.054.169	47.434.445
Điều chỉnh tăng	67.054.169	47.434.445
- Chi phí không hợp lệ	24.334.169	6.700.000
- Phụ cấp HĐQT không trực tiếp điều hành	42.720.000	30.925.000
- Chi phí lãi vay (do chưa góp đủ số Vốn điều lệ)	-	9.809.445
Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	1.477.306.603	2.129.580.305
- Hoạt động kinh doanh chính	1.449.415.312	1.910.041.775
- Hoạt động khác	27.891.291	219.538.530
Thuế thu nhập doanh nghiệp (25%)	369.326.651	532.395.076
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	181.176.914	532.395.076
- Ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp	181.176.914	238.755.222
- Thuế TNDN được giảm theo TT03/2009/BTC	-	88.091.956
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	188.149.737	205.547.898
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.222.102.697	1.876.597.962

20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.222.102.697	1.876.597.962
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	1.222.102.697	1.876.597.962
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.286.984	1.286.984
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	950	1.458

21. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 02/05/2010 đã quyết định chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2009 là 10%/vốn điều lệ. Theo đó, trừ cổ tức đã tạm ứng năm 2009 (5%/vốn điều lệ), Công ty tiếp tục chia cổ tức còn lại của năm 2009 là 5%/vốn điều lệ tương ứng số tiền 643.492.000 đồng.

Trong năm 2010, Hội đồng quản trị Công ty cũng quyết định chia cổ tức đợt 1 năm 2010 là 643.492.000 đồng (5% / vốn điều lệ).

22. Các bên liên quan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

a. Thông tin về các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP HCM	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách giáo dục tại TP HCM	Chung công ty đầu tư
Tạp chí Thế giới mới	Chung công ty đầu tư

b. Trong kỳ, Công ty có những giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ VND	Giá trị VND
Bán hàng		
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP HCM	Bán hàng hóa	26.594.259.281
Công ty CP Sách giáo dục tại TP HCM	Bán hàng hóa	111.529.970
Tạp chí Thế giới mới	Bán hàng hóa	42.480.727
Mua hàng		
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP HCM	Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	2.835.000.000
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Phương Nam	Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	16.977.273

c. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Công ty liên quan	Phải thu VND
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP HCM	4.326.341.690
Công ty CP Sách giáo dục tại TP HCM	31.908.052
Tạp chí Thế giới mới	46.728.800

23. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

24. Số liệu so sánh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Là các số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại theo quy định của Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Dương Quốc Thy

Nguyễn Thị Thảo

Nguyễn Thị Thảo

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2011